

Bản án số: 95/2023/HS-ST
Ngày: 29-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 72/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn L, sinh năm: 1992 tại tỉnh Bình Dương; đăng ký thường trú: Ấp S, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D, sinh năm: 1962 và bà Đặng M, sinh năm: 1960; bị cáo có chồng tên Nguyễn P, sinh năm: 1981 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm: 2016, nhỏ sinh ngày: 29/6/2020; tiền án tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/8/2022 đến ngày 25/8/2022; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt;

2. Phan H, sinh năm: 1990 tại tỉnh Bình Dương; đăng ký thường trú: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan B (đã chết) và bà Trịnh T, sinh năm: 1951; bị cáo có vợ tên Nguyễn L, sinh năm: 1992 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã C cho đến nay - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn L, Phan H:

- Bà Châu N, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Y thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương - có mặt;

- Ông Lê H, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Y thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương - vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị hại: Lê T, sinh năm: 1996; đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; đăng ký tạm trú: Ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Trần H, sinh năm: 2005; đăng ký thường trú: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

- Ông Lê T, sinh năm: 1995; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn L và Phan H chung sống như vợ chồng tại nhà của H ở ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Khoảng đầu tháng 4/2022, Nguyễn L cho Lê T vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Từ tháng 4/2022 đến 7/2022, T đã trả tiền lãi cho L mỗi tháng 600.000 đồng. Đến tháng 8/2022, L báo tăng tiền lãi thêm 1%/ tháng thì T không đồng ý, nên L yêu cầu T trả lại số tiền đã vay nhưng T không có tiền trả cho L.

Khoảng 17 giờ ngày 18/8/2022, L rủ Phan H đi đến phòng trọ của T để đòi nợ thì H đồng ý. Sau đó, H điện thoại cho Phan N, sinh năm: 1999; nơi thường trú: ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương là bạn của H để rủ N đi đòi nợ cùng H nhưng N từ chối, H nhờ N tìm giúp người đi đòi nợ cùng H. Lúc này, N đang ngồi uống cà phê tại khu vực ấp A, xã T, thị xã C, cùng với người bạn tên K(không rõ lai lịch) và một người là bạn của K. N nói sự việc cho K và bạn của K nghe thì cả hai đồng ý đi đòi nợ cùng H. N điện thoại nói H đến dẫn K và bạn của K đi. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61R1-817.11 chở L đến dẫn K điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở bạn của K cùng đi đến nhà trọ Nguyễn N ở ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương để gặp T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đến nơi, H và L đi vào phòng trọ số 4 thì gặp T và chị Trần H là bạn gái của T đang ở trong phòng, L nói T trả tiền cho L, thì T nói chưa có tiền. Lúc này, L thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49 đang dựng ngang trước cửa phòng số 4 thì nói với T: “Vậy để tao lấy xe của mày, khi nào mày có tiền trả tao thì chuộc xe lại”. T không đồng ý và nói có đánh thì đánh T nhưng không được lấy xe của T. H đi lại dắt xe thì T dùng 2 tay nắm giữ đuôi xe lại. Thấy vậy, H nói với K và bạn của K, đi lại ôm T kéo ra. K và bạn của K làm theo lời của H nhưng T vẫn không buông tay. Lúc này, L đi lại dùng tay gỡ từng ngón tay của

T ra để H lấy xe 59Y2-983.49 và điều khiển xe 59Y2-983.49 chạy về nhà của H. Khi H điều khiển xe ra đến trước cửa nhà trọ thì K và bạn của K buông T ra rồi cùng L điều khiển xe chạy đi.

Ngày 19/8/2022, Lê T đến Công an xã T tố giác hành vi chiếm đoạt xe mô tô của Nguyễn L và Phan H. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động Iphone màu xanh của Phan H;
- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61R1-817.11 của Phan H;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49 tại nhà của Phan H, bên trong có: 03 giấy chứng minh nhân dân photo mang tên Lê T; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59Y2-983.49 bản photo; 02 giấy xác nhận tiêm vacxin; 01 bóp da màu đen và số tiền 200.000 đồng của Lê T

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 23/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C, kết luận: 01 (một) mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49, màu đen trị giá 10.050.000 đồng.

Kết quả xác minh: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49 do anh Lê T đứng tên đăng ký. Năm 2021, anh T bán xe 59Y2-983.49 cho Trần H với giá 15.000.000 đồng nhưng chưa sang tên. Chị H cho T mượn xe 59Y2-983.49 để đi làm.

Ngày 25/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết định xử lý vật chứng: Giao trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49; số tiền 200.000 đồng; 03 giấy chứng minh nhân dân (bản photo) mang tên Lê T; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59Y2-983.49 (bản photo); 01 bóp da màu đen; 02 giấy xác nhận tiêm vacxin cho anh Lê T. Anh T không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn L, Phan H.

Bản Cáo trạng số 94/CT-VKSBC ngày 13/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn L, Phan H về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

1. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

- Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 94/CT-VKSBC ngày 13/4/2023;
- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm

2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn L, Phan H mỗi bị cáo 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-817.11 và 01 điện thoại di động Iphone màu xanh của Phan H.

2. Luật sư Châu N bào chữa cho bị cáo Nguyễn L, Phan H có bài bào chữa cho bị cáo với nội dung:

Thông nhất với Cáo trạng và Bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, luật sư không tranh luận về tội danh.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi giao trả cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết: Bị cáo có ông bà ngoại và ông nội là liệt sỹ, bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo L là lao động chính trong gia đình, hiện đã ly hôn và đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ; bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đối với bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình: bị cáo H là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ già yếu, bệnh tật.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội và ý thức chủ quan của các bị cáo: Các bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại, do bị hại không trả tiền nên các bị cáo lấy xe với ý định dùng làm áp lực cho bị hại trả tiền. Điều này thể hiện rõ ở việc sau khi lấy được xe, các bị cáo không bán xe hay sử dụng mà để tại nhà, chờ bị hại trả tiền và lấy lại xe.

Từ các tình tiết trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho các bị cáo L, H mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

3. Các bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn L, Phan H: các bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Do có mâu thuẫn trong việc trả tiền vay, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/8/2022, các bị cáo L, H và 02 đối tượng (không rõ nhân thân) đến phòng trọ của bị hại Lê T tại ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương để đòi nợ. Do anh T không có tiền trả nên L yêu cầu lấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49 thì H có hành vi dắt xe ra, lúc này anh T dùng hai tay nắm giữ đuôi xe lại thì bị K và bạn của K ôm T kéo ra, L dùng tay gỡ từng ngón tay của T ra khỏi xe 59Y2-983.49 để H lấy xe của T điều khiển về nhà của H cất giữ.

Hành vi dùng vũ lực không chế bị hại để chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59Y2-983.49, trị giá 10.050.000 đồng của Nguyễn L và Phan H đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 94/CT-VKSBC ngày 13/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo L được xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ: Gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Khi quyết định hình phạt, cần xét đến nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo L là người đề xướng,

rủ rê bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H tiếp nhận ý thức phạm tội của bị cáo L, rủ rê thêm người khác và tích cực thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho các bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét lời trình bày của người bào chữa về việc cho các bị cáo Nguyễn L, Phan H hưởng án treo là có căn cứ nên chấp nhận; đối với ý kiến đề nghị xem xét quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê T đã nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha Sisius, biển số 59Y2-983.49; số tiền 200.000 đồng và các giấy tờ, vật dụng cá nhân. Ông T không có yêu cầu gì thêm nên không vấn đề xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng: Xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-817.11 và 01 điện thoại di động Iphone màu xanh của Phan H: Đây là các công cụ, phương tiện bị cáo Phan H dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo Nguyễn L: L cho bị hại T vay với mức lãi suất 10%/tháng, tức 120%/năm, gấp 06 lần quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, L thu lợi bất chính 1.800.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành về mức lãi suất nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành về số tiền thu lợi bất chính theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng đối với L là có cơ sở.

[11] Đối với đối tượng tên K và bạn của K: Hai đối tượng này hiện không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C tiếp tục tiến hành xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[12] Đối với hành vi giới thiệu người đi đòi nợ giúp Phan H và Nguyễn L của Phan N: Xét thấy khi N giới thiệu người đi đòi nợ, N không biết H và L

dùng vũ lực chiếm đoạt xe của T nên Cơ quan điều tra Công an thị xã C không truy cứu trách nhiệm hình sự Phan N là phù hợp.

[13] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 136, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn L, Phan H phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022) và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 64/2023/HSST-LCCT ngày 17/4/2023 đối với bị cáo Nguyễn L kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022) và khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phan H 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan H cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Phan H tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn L, Phan H là người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện

hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61G1-817.11, số máy: 0800825 (không kiểm tra được số khung) và 01 điện thoại di động Iphone màu xanh (màn hình bị nứt, không kiểm tra được Model, số IMEI) của Phan H.

(Vật chứng đã được giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2023).

5. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn L, Phan H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân